

Số: 719/2022/QĐST-HNGĐ

N, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 911/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1979.

Trú tại: 14^A đường T - phường L - thành phố N - Khánh Hòa.

- Bị đơn: ông Dương S - sinh năm 1956.

Trú tại: 14^A đường T - phường L - thành phố N - Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Dương S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà H, ông S có ba con chung Dương Thiên H (sinh ngày 28/4/2000), Dương Hoàng Thanh T (sinh ngày 11/02/2009) và Dương Thiên H1 (sinh ngày 08/02/2010). Cháu H đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H, ông S không có yêu cầu gì.

Giao hai con chung Dương Hoàng Thanh T (sinh ngày 11/02/2009) và Dương Thiên H1 (sinh ngày 08/02/2010) cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H, ông S đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

- Về án phí: bà Nguyễn Thị H nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Trong đó có 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà H nộp thay cho ông S) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002211 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn lại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- Các đương sự;
- UBND xã V (giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 11/3/2004);
- Lưu hồ sơ.